

Bản án số: 118/2021/DS-ST  
Ngày: 27-9-2021  
V/v tranh chấp “hợp đồng  
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ly
2. Ông Trương Phước Công

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 08 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 380/2021/QĐST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thanh X (T), sinh năm 1965; địa chỉ: số 437 tổ 18, ấp T.P, xã T.M, huyện C.M, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Bùi Quốc N, Luật sư của chi nhánh công ty Luật TNHH MTV A-T thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: 423 ấp M.H, thị trấn M.L, huyện C.M, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt);

*2. Bị đơn:* Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T.P, xã T.M, huyện C.M, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Thái Trường G, sinh năm 1981; HKTT: ấp Trung, xã M.A, huyện C.M, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: ấp Thị 1, thị trấn M.L, huyện C.M, tỉnh An Giang (vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bà Dương Thị Thanh X trình bày, vào ngày 19/12/2014 bà Trần Thị Trúc L vay của bà tổng cộng là 43,5 chỉ vàng 24 kara (9999), không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay, hai bên có lập biên nhận nợ do bà L ký tên đề ngày 19/12/2014, mục đích vay để mua bán sữa, phục vụ kinh tế cho gia đình. Sau đó, từ năm 2014, bà L và ông G trả dần mỗi tháng 02 chỉ vàng 24 kara (9999) đến năm 2018 đã trả được cho bà 19 chỉ vàng 24 kara (9999) thì ngưng trả cho đến nay. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu bà L và ông G cùng có trách nhiệm liên đới trả số vàng 24,5 chỉ vàng 24 kara (9999).*

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Tờ biên nhận nợ ngày 19/12/2014 có chữ ký, chữ viết của bà L (bản photo).

*Bị đơn Trần Thị Trúc L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thái Trường G trình bày, Ông và bà L là vợ chồng, vợ chồng có kinh doanh nước giải khát, do dịch bệnh covid nên việc kinh doanh không hiệu quả, ông biết vợ ông có vay vàng của bà X (T), nhưng ông G không biết số vàng vay cụ thể là bao nhiêu, sau đó thì bà X có đến quán đòi nợ vàng thì ông mới biết sự việc bà L vay vàng của bà X, ông thống nhất vợ chồng có nợ bà X như nội dung đơn khởi kiện. Nay, do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả một lần mà xin hẹn đến giai đoạn thi hành án xem xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình.*

*Tại phiên tòa, Bà Dương Thị Thanh X có đơn xin xét xử vắng mặt;*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Bùi Quốc N có đơn xin vắng mặt, ông N gửi văn bản trình bày ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh X đối với yêu cầu bà L và ông G trả số vàng vay là 24,5 chỉ vàng 24 kara (9999), việc bà L vay vàng của bà X mục đích phục vụ cho kinh doanh và sinh hoạt trong gia đình và khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L và ông G cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Xuân số vàng là 24,5 chỉ vàng 24 kara (9999).

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới biểu ý kiến giải quyết vụ án:

*Về tố tụng:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Ngày 19/12/2014, bà Dương Thị Thanh X có cho bà Trần Thị Trúc L vay tổng cộng 43,5 chỉ vàng 24kara (9999), mục đích vay để cùng chồng là ông Thái Trường G mua bán, có làm biên nhận nợ, bà L ký tên vào biên nhận, thỏa thuận mỗi tháng trả 2 chỉ vàng 24kara (9999). Sau khi mượn vàng từ ngày 19/12/2014 đến 22/01/2018, bà L và ông G đã trả cho bà X tổng cộng 19 chỉ vàng loại vàng 24kara (9999), từ đó đến nay không trả nữa. Nay bà X yêu cầu bà L, ông G trả 24,5 chỉ vàng 24kara (9999), không yêu cầu tính lãi. Ông G thừa nhận vợ ông là bà L có nợ của bà X nhưng bao nhiêu thì không rõ.

Phía bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên không ghi được ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà X với bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được lập thành văn bản nên căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà X với bà L. Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà X khởi kiện yêu cầu bà L trả 24,5 chỉ vàng 24kara (9999) là có căn cứ.

Đối với ông G, tuy không trực tiếp giao dịch dân sự với bà X, không ký tên vào biên nhận nợ, nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông G, mục đích bà L vay vàng của bà X để phát triển kinh tế gia đình, nên bà X yêu cầu ông G liên đới cùng bà L trả 24,5 chỉ vàng 24kara (9999) là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất, bà X không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Dương Thị Thanh X với bà Trần Thị Trúc L.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh X.

- Buộc bà Trần Thị Trúc L, ông Thái Trường G có trách nhiệm liên đới trả bà Dương Thị Thanh X 24,5 chỉ vàng 24kara (9999).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số vàng vay còn nợ, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú huyện C.M, tỉnh An Giang. Do đó, được xác định là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.M là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Trước khi phiên tòa được mở, bà L và ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành việc xét xử.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2015, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự; giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; lời trình bày của nguyên đơn; giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Trúc L có viết tờ biên nhận nợ ngày 19/12/2014 thể hiện rõ có vay vàng của bà Dương Thị Thanh X.

[2.2] Đối với bị đơn Trần Thị Trúc L trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không gửi văn bản nêu ý kiến phản hồi của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặt khác, bà L vay vàng của bà X với mục đích kinh doanh và sinh

hoạt trong gia đình đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay tiền phục vụ cho lợi ích chung.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 25/6/2021, ông G cho rằng bà L vay vàng của bà Xuân để phục vụ cho mua bán kinh doanh cho gia đình, do tình hình dịch bệnh covid nên việc kinh doanh không có lợi nhuận nên không có khả năng trả một lần, mà xin hẹn đến giai đoạn thi hành xem xét điều kiện khả năng trả nợ.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc bà Linh và ông Giang cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà X số vàng là 24,5 chỉ vàng 24 kara(9999) là phù hợp. Thời gian, phương thức thanh toán sẽ được giải quyết ở giai đoạn thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0002682 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M.

Bị đơn Trần Thị Trúc L và ông Thái Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận.

Giá vàng cập nhật vào ngày 27/9/2021 quy đổi thành tiền có giá là 5.130.000 đồng/chỉ x 24,5 chỉ, tương ứng 125.685.000 đồng. Do đó, bà Trần Thị Trúc L và ông Thái Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.284.250 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 466; Điều 357; 288; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Thanh X đối với bà Trần Thị Trúc L và ông Thái Trường G.

Buộc bà Trần Thị Trúc L và ông Thái Trường G có trách nhiệm liên đới trả 24,5 chỉ vàng 24 kara (9999) cho bà Dương Thị Thanh X.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Thanh X được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0002682 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M.

Bà Trần Thị Trúc L và ông Thái Trường G phải chịu 6.284.250 đồng (sáu triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: H.S.V.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**